TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-11-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Thị Luyến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 310/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn A; nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: Thôn Xuân Phong, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện tại: Số 332 đường Thần Châu, quận Thần Cương, 429 Đài Trung, Đài Loan; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị B; nơi cư trú: Thôn Kim Lâu, xã Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), nguyên đơn là Anh Nguyễn Văn A trình bày:

Anh Nguyễn Văn A và Chị Bùi Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

vào ngày 21/7/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh A sang Đài Loan sinh sống và làm việc từ năm 2014 đến nay. Vợ chồng đã cố gắng hòa hợp song mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình đã hòa giải song không đạt kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên Anh A yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị B để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 29/9/2008. Khi ly hôn, anh chị thống nhất yêu cầu Tòa án giao cháu Tuấn Anh cho Chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, Anh A không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh A tự giải quyết với Chị B nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 25 tháng 10 năm 2023, Chị Bùi Thị B trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị B và Anh Nguyễn Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 21/7/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh A sang Đài Loan sinh sống và làm việc từ năm 2014 đến nay chưa trở về Việt Nam nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng đã cố gắng hòa hợp song mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình đã hòa giải song không đạt kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên Chị B đồng ý ly hôn với Anh A, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 29/9/2008. Khi ly hôn, anh chị thống nhất yêu cầu Tòa án giao cháu Tuấn Anh cho Chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị B không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị B tự giải quyết với Anh A nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn là Chị Bùi Thị B đang sinh sống ở Hải Phòng, nguyên đơn Anh Nguyễn Văn A hiện nay đang sinh sống tại Đài Loan, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của Anh Nguyễn Văn A và Chị Bùi Thị B nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt Anh Nguyễn Văn A và Chị Bùi Thị B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện Anh A và Chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 21/7/2008. Theo quy định tại Điều 9, Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn, nhận thấy: Sau khi kết hôn, Anh A và Chị B chung sống hòa thuận đến năm 2014, Anh A sang Đài Loan sinh sống và làm việc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến nay anh chị không còn quan tâm đến nhau, tình cảm dần xa cách do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng mỗi người ở một nơi và đã ly thân trong thời gian dài. Nay Anh A yêu cầu xin ly hôn với Chị B, Chị B đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn với nhau. Xét thấy, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Nguyễn Văn A đối với Chị Bùi Thị B.

[4] Về con chung: Anh A và Chị B cùng thống nhất khi ly hôn, yêu cầu Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 29/9/2008 cho Chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Nguyễn Tuấn Anh có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với Chị B nếu bố mẹ cháu ly hôn. Do vậy, yêu cầu về việc nuôi con chung của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần được chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh A và Chị B không yêu cầu giải quyết nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc tạm thời không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn A và Chị Bùi Thị B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn A và Chị Bùi Thị B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn A.

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A được ly hôn Chị Bùi Thị B.

1.2.Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 29/9/2008 cho Chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3.Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn A và Chị Bùi Thị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000235 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Chị Bùi Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật

Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Tân Liên, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phích

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Hùng **Nguyễn Thị Hồng Thúy** **Phạm Văn Phích**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phích

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp